

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST

Ngày 24/01/2019

“*V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tâm.

2. Ông Hà Đình Sở.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đinh Trọng Nho - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2018/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị H**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Xóm H S, xã Y S, huyện M, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Triệu Sinh T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Xóm H S, xã Y S, huyện M, tỉnh Phú Thọ

(Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Triệu Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2007, chị H kết hôn với anh Triệu Sinh T, trước khi kết hôn anh chị đã có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Anh chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết

hôn vợ chồng về chung sống cùng với gia đình bố mẹ anh T tại xã Yên Sơn, tỉnh cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc. Tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Tuấn không tu chí làm ăn, thường xuyên rượu chè, cờ bạc, làm đảo lộn cuộc sống vợ chồng, kinh tế gia đình ngày càng thêm khó khăn. Không những vậy, anh Tuấn còn hay đánh chị H mỗi khi uống rượu say hay đánh bạc thua. Xác định không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung như vậy, chị H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để giải phóng cho chị.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung: Triệu Thị Lệ Th- Sinh 02/10/2007; Triệu Thị Hoài Th- Sinh 22/8/2009; Triệu Thị H- Sinh 27/01/2014. Hiện nay các cháu đều đang ở với vợ chồng anh chị. Ly hôn chị H xin được nuôi 03 con chung đến khi trưởng thành, chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Theo chị H vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn- anh Triệu Sinh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh T xác nhận về thời gian, nơi đăng ký kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng như chị H trình bày là đúng. Chị H có đơn xin ly hôn anh T không nhất trí ly hôn vì theo anh, chị H tự ý làm đơn mà không được sự đồng ý của anh và mâu thuẫn vợ chồng vẫn có thể khắc phục được.

Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng có 03 con chung như chị H đã kê khai, hiện nay các cháu đều đang ở với vợ chồng anh chị. Nếu ly hôn, anh T xin được nuôi 03 con chung đến khi trưởng thành, anh tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh T trình bày vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị H. Xử cho chị Triệu Thị H được ly hôn anh Triệu Sinh T. Về con chung: Giao cháu Triệu Thị Hoài Th, sinh ngày 22/8/2009, cháu Triệu Thị H, sinh ngày 27/01/2014 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 01 năm 2019 đến khi các cháu thành niên. Giao cháu Triệu Thị Lệ Th, sinh ngày 02/10/2007 cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng kể từ

tháng 01 năm 2019 đến khi cháu thành niên. Chị H và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Triệu Thị H và anh Triệu Sinh T đều đăng ký hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú tại xóm Hạ Sơn, xã Yên Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Ngày 14/01/2019, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 227- BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị H và anh Triệu Sinh T đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND xã Yên Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp(BL01). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, anh T không tu chí làm ăn, thường xuyên rượu chè cờ bạc dẫn đến kinh tế gia đình đã khó khăn lại càng thêm khó khăn. Không những vậy, anh T còn nhiều lần có hành vi bạo lực, đánh đập chị H, gia đình hai bên và khu đã tiến hành hòa giải nhưng anh T vẫn chứng nào tật ấy. Xác định không thể tiếp tục chung sống cùng anh T được nữa nên chị H xin ly hôn anh T để giải phóng cho chị. Quá trình tố tụng tại Tòa án, anh T thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị H trình bày là đúng, nhưng anh không đồng ý ly hôn với lý do chị H tự ý làm đơn, không được sự đồng ý của anh. Sự xác nhận về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng của các đương sự phù hợp với kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của chị H, anh T tại nơi cư trú (BL22A). Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 92- BLTTDS, đủ cơ sở để HĐXX kết luận: Tình trạng hôn nhân của chị H anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56-Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về con chung: Chị H và anh T đều xác nhận vợ chồng có 03 con chung và cả hai đều có nguyện vọng xin nuôi cả 03 con chung khi ly hôn được đặt ra. Xét thấy, nguyện vọng xin nuôi các con chung của chị H và anh T là chính đáng, nhưng các con của anh chị đều chưa thành niên cần sự chăm sóc, giáo dục của người có trách nhiệm và có khả năng nuôi dưỡng, giáo dục được các con. Căn cứ những tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, HĐXX đồng tình với quan điểm về nội dung giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn tại phiên tòa bởi lẽ: Anh T là người không tu chí làm ăn và có hành vi bạo lực gia đình nên yêu cầu

xin nuôi cả 03 con chung không bảo đảm cho sự phát triển bình thường về mọi mặt của các cháu. Chị H là người mẹ thương con, chịu khó làm ăn nên có đủ điều kiện nuôi dưỡng các con. Nhưng theo nguyện vọng của các cháu (BL:22a, 22b, 22c), giao cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu lớn là Triệu Thị Lệ Th- Sinh 02/10/2007; Giao cho chị Triệu Thị H cháu Triệu Thị Hoài Th- Sinh 22/8/2009; cháu Triệu Thị H- Sinh 27/01/2014, kể từ tháng 01/2019, cho đến khi các cháu thành niên, là có căn cứ tại Điều 81- Luật hôn nhân và gia đình 2014. Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên đều có quyền và nghĩa vụ với con chung theo qui định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị H và anh T đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị H. Cho chị Triệu Thị H được ly hôn anh Triệu Sinh T.

2. Về con chung: Giao cho chị Triệu Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Triệu Thị Hoài Th- Sinh 22/8/2009 và cháu Triệu Thị H- Sinh 27/01/2014; Giao cho anh Triệu Sinh T được trực tiếp nuôi cháu Triệu Thị Lệ Th- Sinh 02/10/2007 kể từ tháng 01 năm 2019 đến khi các cháu thành niên, tự lực được. Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hai bên đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Biên lai thu số AA/2018/0001566 ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, thành án phí.

Anh Triệu Sinh T có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Triệu Thị H vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ

ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã Yên Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện.
- UBND xã Yên Sơn;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Bích Thủy